

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI

TRIỂN VỌNG XUẤT KHẨU HẠT ĐIỀU CỦA CÁC
ĐỊA PHƯƠNG THUỘC VÙNG NÚI, VÙNG SÂU,
VÙNG XA, HẢI ĐẢO

Năm 2024

MỤC LỤC

I. Đặc điểm của hạt điều Việt Nam	4
II. Tình hình xuất khẩu hạt điều của Việt Nam trong tháng 9/2024 và 9 tháng đầu năm 2024	8
2.1 Tình hình xuất khẩu chung	8
2.2 Diễn biến giá bình quân xuất khẩu hạt điều.....	8
2.3 Thị trường xuất khẩu hạt điều của Việt Nam trong tháng 9/2024 và 9 tháng đầu năm 2024.....	10
2.4 Chủng loại hạt điều của Việt Nam xuất khẩu trong tháng 9/2024 và 9 tháng đầu năm 2024.....	13
III. Triển vọng xuất khẩu hạt điều của Việt Nam trong thời gian tới	17
3.1 Dung lượng thị trường nhập khẩu hạt điều của thị trường Mỹ và thị phần của Việt Nam.....	17
3.1.1 Tình hình nhập khẩu hạt điều của thị trường Mỹ	17
3.1.2 Cơ cấu nguồn cung	19
3.1.3 Chủng loại nhập khẩu	20
3.2 Dự báo xuất khẩu hạt điều trong thời gian tới	22
IV. Quy định tiêu chuẩn hạt điều xuất khẩu sang Mỹ	25
4.1. Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu	25
4.2. Tiêu chuẩn AFI đối với hạt điều nhập khẩu vào Mỹ	28
4.2.1. Quy cách hạt điều nhân.....	28
4.2.1.1 Yêu cầu chung.....	28
4.2.1.2. Yêu cầu về thùng carton	29
4.2.2. Chất lượng và phân loại	29
4.2.3. Kích cỡ	30

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 1: Lượng hạt điều xuất khẩu của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2022 – 2024.....	8
Biểu đồ 2: Diễn biến giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2022 – 2024 (ĐVT: USD/tấn)	9
Biểu đồ 3: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hạt điều của Việt Nam (% tính theo lượng)	11
Biểu đồ 4: Lượng hạt điều nhập khẩu của Mỹ qua các tháng năm 2023-2024 (ĐVT: nghìn tấn)	18
Biểu đồ 5: Kim ngạch nhập khẩu hạt điều của Mỹ qua các tháng năm 2023-2024 (ĐVT: triệu USD)	18

DANH MỤC BIỂU BẢNG

Bảng 1: Giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang các thị trường trong tháng 9/2024 và 9 tháng đầu năm 2024.....	9
Bảng 2: Thị trường xuất khẩu hạt điều tháng 9/2024 và 9 tháng đầu năm 2024.....	12
Bảng 3: Chủng loại hạt điều Việt Nam xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm 2024	14
Bảng 4: Nguồn cung hạt điều cho Mỹ trong 8 tháng đầu năm 2024 và thị phần của Việt Nam.....	19
Bảng 5: Các chủng loại hạt điều nhập khẩu của Mỹ trong 8 tháng đầu năm 2024 và thị phần của Việt Nam.....	21

I. Đặc điểm của hạt điều Việt Nam

Hạt điều có chứa nhiều chất dinh dưỡng có lợi cho sức khỏe, hạt điều được trồng ở mỗi vùng khác nhau sẽ có hương vị khác nhau, phụ thuộc vào thổ nhưỡng, khí hậu, cách chăm sóc... Hạt điều Việt Nam luôn được đánh giá cao bởi mùi vị thơm ngon và đặc sắc luôn để lại ấn tượng đặc biệt cho thực khách trong nước và quốc tế.

Hạt điều được trồng ở Việt Nam có kích thước không quá to, hình thận khá đặc trưng nhưng cuống hơi phình và phần đuôi hơi nhỏ dần. Nhìn bề ngoài, hạt điều Việt Nam có thân căng tròn, màu nâu sẫm ở vỏ lụa, nhân điều khá mịn màng và có màu vàng nhẹ. Hạt điều ngon là khi bẻ đôi sẽ thấy hạt tương đối đặc ruột với khe khá nhỏ, nặng hạt, màu vàng đồng đều ở mọi vị trí của nhân. Chính lý do này mà hạt điều rang muối có nguồn gốc từ Việt Nam luôn giữ được độ giòn lâu hơn, đặc biệt là khi giữ nguyên lớp vỏ lụa. Một đặc điểm khá đặc trưng của hạt điều Việt Nam nữa là số giờ nắng ở các vùng trồng điều khi thu hoạch tương đối cao. Hạt điều được phơi khô dưới nắng, chỉ còn độ ẩm khoảng 12% với màu trắng vàng nên không phải ngâm bất kỳ chất tẩy rửa cũng như chất bảo quản nào. Do vậy hạt điều Việt Nam, đặc biệt là hạt điều Bình Phước có hương vị rất riêng, không bị mùi dầu hôi trong suốt quá trình bảo quản, đó cũng chính là lý do giá điều ở nước ta đắt hơn các nước khác.

Theo số liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, năm 2023, diện tích cây điều cả nước đạt 301.100 ha, giảm 2,8% so với năm 2022, trong đó, diện tích cho thu hoạch hơn 285.000 ha, chiếm 95,1% tổng diện tích. Diện tích trồng điều tập trung tại các tỉnh vùng Đông Nam Bộ là 186.100 ha, chiếm 62,0% diện tích cả nước, tiếp theo là vùng Tây Nguyên với diện tích 85.100 ha chiếm 28,4% diện tích cả nước. Năm 2023, sản lượng điều cả nước đạt 343,3 nghìn tấn, tăng 4,4% so với năm 2022; trong khi lượng điều thô nhập khẩu của Việt Nam năm 2023 là khoảng 2,8 triệu tấn, chủ yếu nhập từ châu Phi và Campuchia. Dự báo, vụ mùa 2024 - 2025 thời tiết bất lợi, nhiều sâu bệnh nên sản lượng điều của Việt Nam sẽ giảm nhẹ.

Năng lực chế biến điều ở Việt Nam rất lớn, nguồn cung hạt điều thô nội địa không đáp ứng đủ nhu cầu, do đó Việt Nam phải nhập khẩu hạt điều thô nguyên vỏ chủ yếu từ châu Phi. Theo Hiệp hội Điều Việt Nam (Vinacas), cả nước có trên 3.000 cơ sở chế biến điều, trong đó, chỉ riêng Bình Phước đã có tới 1.400 cơ sở. Số lượng nhà máy chế biến điều ở Việt Nam phát triển rất nhanh, hiện có khoảng 500 nhà máy chế biến điều có tổng công suất đạt hơn 4 triệu tấn (quy theo nguyên liệu hạt điều thô), bằng 50% tổng sản lượng điều thô toàn cầu.

Thời gian qua ngành điều đã đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ vào sản xuất. Đáng chú ý, nhiều địa phương đã triển khai các mô hình thâm canh, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật đến nông dân như tỉa cành, tạo tán, bón phân, phòng trừ sâu bệnh, giúp cho cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt. Vì vậy, nhiều hộ trồng điều có quy mô lớn thực hiện thâm canh tốt, chăm sóc đúng quy trình, đạt năng suất từ 30 đến 35 tạ/ha, cá biệt có nơi đạt từ 35 đến 50 tạ/ha.

Định hướng phát triển điều đã được thể hiện tại quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc “Phê duyệt Đề án Phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030”. Cụ thể, đến năm 2030, diện tích điều cả nước khoảng 280.000 - 300.000 ha. Trong đó, vùng trồng điều trọng điểm Đông Nam Bộ khoảng 170.000 - 180.000 ha; vùng Tây Nguyên khoảng 80.000 - 90.000 ha. Còn lại khoảng 10.000 - 30.000 ha được trồng tại các tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Bình Định...

Bình Phước được xem là thủ phủ của cây điều Việt Nam, chiếm khoảng 50,6% diện tích và hơn 54% sản lượng điều của cả nước. Diện tích cây điều toàn tỉnh Bình Phước hiện nay khoảng 152 nghìn ha, với sản lượng 243.000 tấn/năm, với hơn 1.400 cơ sở chế biến hạt điều quy mô nhỏ và vừa, công suất chế biến khoảng 500.000 tấn/năm, đồng thời đứng đầu cả nước về sản lượng, kim ngạch xuất khẩu hạt điều. Hạt điều Bình Phước đã xuất khẩu sang 68 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới, với thị trường xuất khẩu chủ yếu là Mỹ, Singapo, Hà Lan, Thổ Nhĩ Kỳ và Trung Quốc. Vùng sản xuất điều tập trung tại các huyện Bù Gia Mập, Bù Đăng, Đồng Phú, Phú Riềng. Trong đó, Bù Gia Mập là một trong những huyện thuộc danh mục địa bàn ưu tiên thực hiện chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải

đào giai đoạn 2015 – 2020 theo Quyết định số 964/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Năng suất điều Bình Phước bình quân giai đoạn 2020 - 2024 đạt 12,7 tạ/ha. Khu vực sản xuất điều cho năng suất bình quân cao đạt từ 1,8 tấn/ha tập trung tại các xã: Bom Bo, Minh Hưng (huyện Bù Đăng), Bình Thắng (huyện Bù Gia Mập), Phú Trung (huyện Phú Riềng). Tỉnh đã hỗ trợ cho 10 doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu điều tham gia liên kết với 38 đơn vị (hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại) với diện tích liên kết với khoảng 4,5 nghìn ha; trong đó, chuỗi liên kết điều được chứng nhận hữu cơ Mỹ (USDA Organic) và chứng nhận hữu cơ châu Âu (Organic EU) với khoảng 3,5 nghìn ha. Năm 2018, Cục Sở hữu trí tuệ đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm hạt điều Bình Phước. UBND tỉnh Bình Phước là tổ chức quản lý chỉ dẫn địa lý này.

Thời gian qua, tỉnh Bình Phước cũng đã từng bước thành lập các hợp tác xã sản xuất nguyên liệu điều với chỉ dẫn địa lý được chứng nhận để cung cấp nguyên liệu đồng bộ cho thị trường; hình thành cụm ngành chế biến điều; tập trung thu hút chế biến sâu để đa dạng hóa sản phẩm. Đồng thời, đổi mới công nghệ chế biến bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; tăng cường cơ giới hóa trong sản xuất và chế biến điều thô. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng đang đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ để tự động hóa chế biến hạt điều và chế biến chuyên sâu đem lại giá trị cao.

Bên cạnh đó, tỉnh Bình Phước đã chỉ đạo các sở ngành phối hợp triển khai tuyên truyền, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tận dụng ưu đãi và cơ hội từ các Hiệp định FTA. Qua đó, nâng cao nhận thức, hiểu biết về các nội dung cam kết cũng như khai thác tối đa lợi thế xuất khẩu và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, trên cơ sở khai thác và hỗ trợ hiệu quả cho các ngành hàng có lợi thế cạnh tranh cao, duy trì tốc độ tăng trưởng những ngành hàng đã có vị trí cao, đồng thời quan tâm đầu tư thích đáng cho những ngành hàng có tiềm năng phát triển.

Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, ngoài đa dạng sản phẩm, cải tiến mẫu mã, các doanh nghiệp sản xuất hạt điều Bình Phước còn chú trọng tăng giá trị hạt

điều để được cấp giấy chứng nhận quốc tế về quản lý chất lượng quốc tế toàn cầu BRCS từ Hiệp hội bán lẻ Anh, chứng nhận tiêu chuẩn FDA của Cục Quản lý thực phẩm và dược phẩm Mỹ, chứng nhận vệ sinh an toàn thực phẩm Việt Nam, chứng nhận HALAL, HACCP, ISO 22000... nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước đã phê duyệt điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển ngành điều đến năm 2025 tầm nhìn 2030. Mục tiêu mà Bình Phước đặt ra là đến năm 2030, diện tích điều của tỉnh đạt từ 175.000 - 179.000 ha, năng suất tăng từ 1,5 tấn/ha lên 2,1 tấn/ha; sản lượng từ 243.000 tấn năm 2020 lên 352.000 tấn vào năm 2030; giữ nguyên công suất chế biến hạt điều 500.000 tấn/năm Để đạt được những mục tiêu trên, Bình Phước tiến hành quy hoạch vùng nguyên liệu điều 140 nghìn ha, tập trung tại các huyện Bù Gia Mập, Phú Riềng, Bù Đăng và Đồng Phú; trong số đó chế biến sâu từ 10.000 tấn năm 2020 tăng lên 30.000 tấn vào năm 2030.

Huyện Bù Đăng có diện tích cây điều lớn nhất của tỉnh Bình Phước với gần 60.000 ha, chiếm khoảng 45% trong tổng diện tích đất nông nghiệp của địa phương. Việc tăng năng suất, sản lượng bền vững đang được huyện chú trọng quan tâm. Trước đây, cây điều được coi là cây xóa đói giảm nghèo, nhất là đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa. Song, việc sản xuất điều còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố như thời tiết, sâu bệnh hại, giá phân bón, vật tư, thuốc bảo vệ thực vật... Năng suất điều niên vụ 2023 - 2024 của huyện Bù Đăng bình quân đạt khoảng 8,9 tạ/ha, giảm 1,08 tạ/ha so với niên vụ điều 2022 - 2023. Một số xã năng suất đạt thấp như xã Phú Sơn, Thọ Sơn, Đồng Nai. Tuy nhiên, nhiều địa bàn vẫn có vườn điều được chăm sóc bón phân, xịt thuốc đúng thời điểm đạt năng suất khoảng từ 25 - 30 tạ/ha. Huyện cũng đẩy mạnh sản xuất điều sạch theo hướng hữu cơ, tổ chức liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm. Hiện nay, sản xuất điều theo quy trình hữu cơ, huyện có 4 hợp tác xã với 1.143 ha sản xuất quy trình hữu cơ tại xã Đắc Nhau, Đồng Nai, Phước Sơn và xã Đường 10. Có 2 sản phẩm điều của huyện được công nhận sản phẩm OCOP của Hợp tác xã Như Hoàng, xã Thọ Sơn và của công ty GREEN LOTUS - xã Đức Liễu.

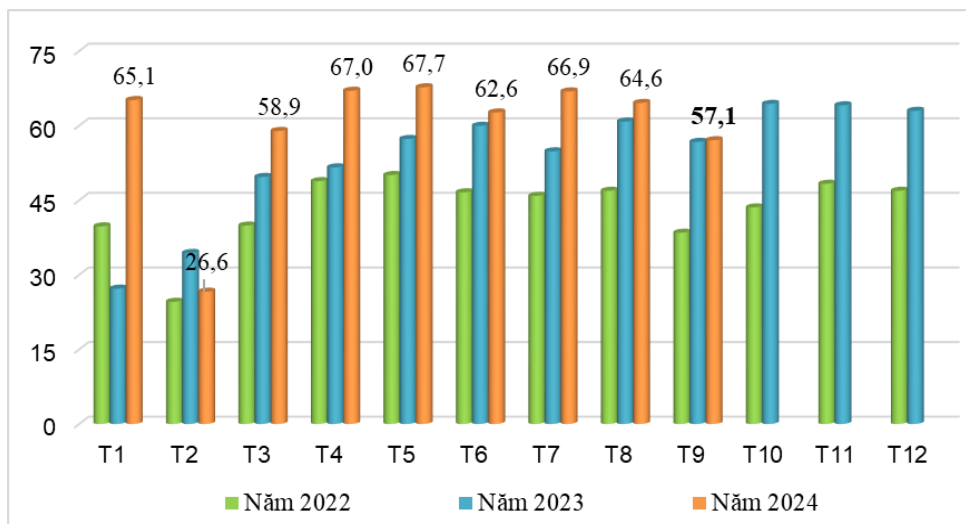
II. Tình hình xuất khẩu hạt điều của Việt Nam trong tháng 9/2024 và 9 tháng đầu năm 2024

2.1. Tình hình xuất khẩu chung

Ngành điều Việt Nam giữ vững ngôi vị đứng đầu thế giới về xuất khẩu điều nhân trong nhiều năm liên tiếp, đồng thời khẳng định được uy tín của thương hiệu trên thị trường quốc tế. Hạt điều nhân của Việt Nam hiện đã có mặt trên các kệ hàng của trên 90 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới, kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng đều qua các năm.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan, tháng 9/2024, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt gần 57,06 nghìn tấn, trị giá 372,15 triệu USD, giảm 11,6% về lượng và giảm 8,9% về trị giá so với tháng 8/2024; Tuy nhiên so với tháng 9/2023 tăng 0,6% về lượng và tăng 20,2% về trị giá. Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, Việt Nam xuất khẩu được 543,5 nghìn tấn hạt điều, với trị giá 3,15 tỷ USD, tăng 20,1% về lượng và tăng 21,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Biểu đồ 1: Lượng hạt điều xuất khẩu của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2022 – 2024 (ĐVT: Nghìn tấn)



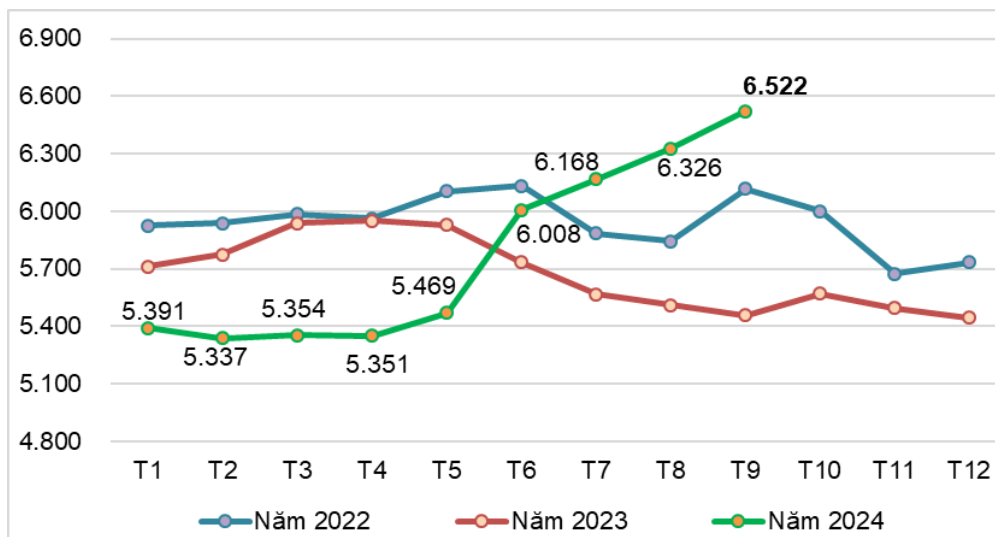
Nguồn: Tổng cục Hải quan

2.2 Diễn biến giá bình quân xuất khẩu hạt điều

Giá xuất khẩu hạt điều của Việt Nam liên tục tăng mạnh kể từ tháng 5/2024 đến nay. Tháng 9/2024, giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt mức 6.522 USD/tấn, tăng 3,1% so với tháng 8/2024 và tăng 19,5% so với tháng 9/2023.

Tính chung 9 tháng đầu năm 2024, giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Việt Nam đạt mức 5.797 USD/tấn, tăng 1,3% so với cùng kỳ năm 2023.

Biểu đồ 2: Diễn biến giá xuất khẩu bình quân hạt điều của Việt Nam qua các tháng giai đoạn 2022 – 2024 (ĐVT: USD/tấn)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 1: Giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang các thị trường trong tháng 9/2024 và 9 tháng đầu năm 2024

Thị trường	Tháng 9/2024 (USD/tấn)	So với tháng 8/2024 (%)	So với tháng 9/2023 (%)	9 tháng năm 2024 (USD/tấn)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)
Tổng	6.522	3,1	19,5	5.797	1,3
Mỹ	6.630	3,9	24,1	5.792	2,2
Trung Quốc	6.276	3,3	8,8	5.668	-7,9
Hà Lan	6.168	-2,4	10,6	5.862	0,7
UAE	7.498	3,2	42,5	6.296	12,2
Canada	6.855	6,5	20,6	6.057	1,0
Đức	6.238	1,8	14,2	5.657	0,8
Australia	5.766	-0,6	9,8	5.464	0,8
Anh	5.577	4,1	13,0	5.099	-0,8
Ấn Độ	3.953	-26,7	-26,5	5.411	-2,3
Irắc	7.650	1,1	62,0	6.597	12,8
Thái Lan	6.546	-1,4	43,3	5.490	2,2
Ả Rập Xê út	6.975	-2,9	38,5	6.230	8,8
Pháp	6.737	0,0	1,3	6.039	-4,3
Nhật Bản	6.536	3,2	6,3	6.123	-2,2
Tây Ban Nha	6.724	4,7	26,1	6.047	6,9
Litva	6.512	3,0	21,7	5.819	7,3
Nga	5.751	-6,8	12,4	5.098	-2,0
Italia	5.288	6,0	27,3	4.046	-0,9

Thị trường	Tháng 9/2024 (USD/tấn)	So với tháng 8/2024 (%)	So với tháng 9/2023 (%)	9 tháng năm 2024 (USD/tấn)	So với cùng kỳ năm 2023 (%)
Ixraen	7.600	5,3	19,5	7.123	6,9
Hy Lạp	7.033	0,6	25,8	6.012	5,2
Bỉ	6.603	14,4	18,5	5.664	-6,1
Đài Loan	7.585	12,1	14,9	7.008	4,4
New Zealand	5.727	7,6	10,3	4.997	-4,2
Pakistan	7.447	4,8	34,0	6.868	18,7
Nam Phi	5.998	4,5	17,8	5.498	0,2
Hồng Kông	8.220	1,3	-2,8	7.974	2,6
Âi Cập	8.866	11,4	48,4	7.310	12,2
Singapore	6.960	28,0	20,4	5.995	-3,2
Na Uy	6.175	-1,0	6,1	5.814	0,4
Philippin	6.438	16,8	59,6	4.671	1,3
Cadăxtan	7.271	9,4	28,7	6.225	0,9
Côoét	8.654	6,6	61,2	6.847	7,4
Ukraina	7.096	1,8		7.031	
Bêlarút				5.667	22,8

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

2.3 Thị trường xuất khẩu hạt điều của Việt Nam trong tháng 9/2024 và 9 tháng đầu năm 2024

Trong tháng 9/2024, xuất khẩu hạt điều của nước ta sang các thị trường lớn đều tăng mạnh cả về lượng và trị giá so với tháng 9/2023 như: Mỹ, UAE, Canada, Ấn Độ, Iraq, Pháp, Litva... Một trong những lợi thế giúp gia tăng vị thế của ngành điều Việt Nam là chính là công nghệ chế biến tiên tiến nhất thế giới, do người Việt Nam sản xuất. Hiện ngành điều có khoảng 500 doanh nghiệp sản xuất và chế biến, với công suất khoảng 4 triệu tấn điều thô mỗi năm.

Xuất khẩu hạt điều từ đầu năm đến nay nhìn chung đang diễn biến khá thuận lợi, khi nhu cầu nhập khẩu tăng ở hầu hết các thị trường lớn. Trong 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang hầu hết các thị trường truyền thống và tiềm năng tăng mạnh so với cùng kỳ năm ngoái. Đáng chú ý, xuất khẩu sang các thị trường Mỹ, Trung Quốc, UAE, Ấn Độ, Litva, Nga, Hy Lạp đã ghi nhận mức tăng trưởng trên hai con số.

Số liệu thống kê cho thấy, trong 9 tháng đầu năm 2024, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu hạt điều lớn nhất của Việt Nam, chiếm 27,68% về lượng và chiếm

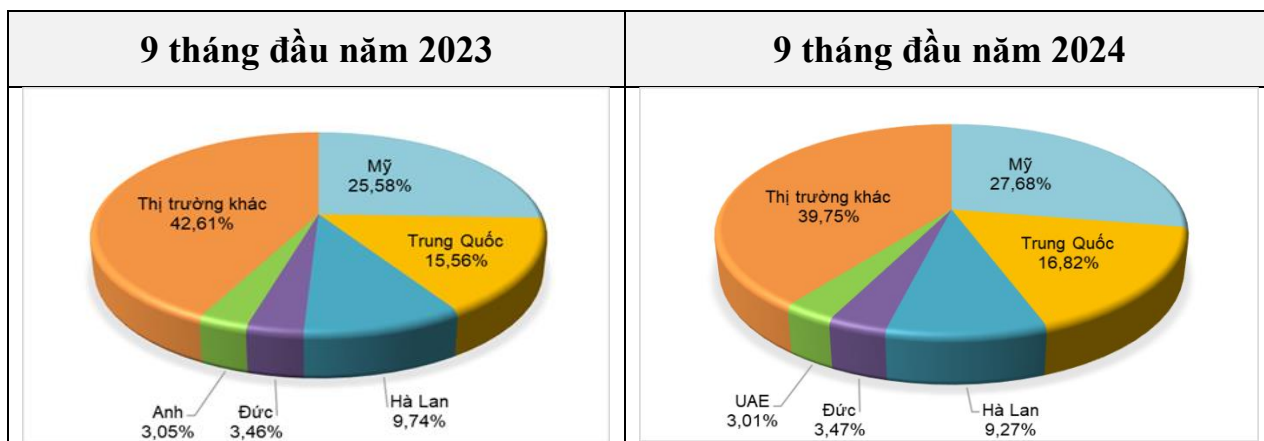
27,66% về kim ngạch trong tổng xuất khẩu hạt điều của cả nước, đạt trên 150,43 nghìn tấn, trị giá 871,33 triệu USD, tăng 29,9% về lượng và tăng 32,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Giá bình quân xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang Mỹ đạt mức 5.792 USD/tấn trong 9 tháng đầu năm 2024, tăng 2,2% so với cùng kỳ năm 2023.

Đứng thứ hai là Trung Quốc, trong 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đạt 91,42 nghìn tấn, trị giá 518,14 triệu USD, tăng 29,9% về lượng và tăng 19,6% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Tỷ trọng xuất khẩu hạt điều sang Trung Quốc chiếm 16,82% về lượng và chiếm 16,45% về kim ngạch trong tổng xuất khẩu hạt điều của cả nước trong 9 tháng đầu năm 2024. Sự tăng trưởng mạnh mẽ xuất khẩu hạt điều tới thị trường Trung Quốc cho thấy nhu cầu hạt điều tại thị trường này đang tăng trở lại, cùng với hiệu quả của các chương trình xúc tiến thương mại tại thị trường Trung Quốc. Vì vậy, tiêu thụ hạt điều tại thị trường này khá tốt.

Xuất khẩu hạt điều sang thị trường Hà Lan đứng thứ 3, trong 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang thị trường Hà Lan đạt 50,37 tấn, với trị giá 295,26 triệu USD, tăng 14,3% về lượng và tăng 15,1% về kim ngạch. Châu Âu có nhu cầu nhập khẩu hạt điều ở mức cao, trong đó Hà Lan đóng vai trò quan trọng như một trung tâm thương mại ở châu Âu, vì hầu hết hạt điều nhập khẩu được tái xuất sang các nước châu Âu khác.

Biểu đồ 3: Cơ cấu thị trường xuất khẩu hạt điều của Việt Nam

(Tỷ trọng % tính theo lượng)



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Trong 9 tháng đầu năm 2024, ngành điều Việt Nam đã khai thác tốt các thị trường như: Mỹ, Trung Quốc, Hà Lan, UAE, Canada, Đức, Australia, Anh, Ấn Độ, Irắc, Thái Lan, Pháp, Nhật Bản, Tây Ban Nha, Litva, Nga... Xuất khẩu điều dự báo sẽ tăng trưởng ổn định trong các tháng cuối năm do nhu cầu nhập khẩu phục vụ các dịp lễ, Tết.

Tuy nhiên, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sang một số thị trường vẫn giảm so với cùng kỳ năm 2023, như: Ả Rập Xê út, Pakixtan, Hồng Kông, Philippin, Cadácxtan... Tỷ trọng xuất khẩu hạt điều sang các thị trường trên ở mức thấp, không ảnh hưởng đến mức tăng trưởng xuất khẩu toàn ngành trong 9 tháng đầu năm 2024.

Bảng 2: Thị trường xuất khẩu hạt điều tháng 9/2024 và 9 tháng đầu năm 2024

Thị trường	Tháng 9/2024		So với tháng 9/2023 (%)		9 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	9 tháng năm 2023	9 tháng năm 2024
Tổng	57.059	372.158	0,6	20,2	543.507	3.150.655	20,1	21,7	100	100
Mỹ	16.290	108.004	35	67,5	150.433	871.335	29,9	32,8	25,58	27,68
Trung Quốc	8.602	53.984	-32,1	-26,1	91.419	518.142	29,9	19,6	15,56	16,82
Hà Lan	5.547	34.213	5,7	16,9	50.371	295.262	14,3	15,1	9,74	9,27
UAE	2.648	19.854	56,4	122,8	16.352	102.945	41,1	58,3	2,56	3,01
Canada	2.093	14.347	91	130,4	12.903	78.147	24,3	25,6	2,29	2,37
Đức	1.872	11.677	-3	10,8	18.850	106.643	20,3	21,2	3,46	3,47
Australia	1.608	9.272	-12,6	-4	13.842	75.636	7,7	8,5	2,84	2,55
Anh	1.535	8.561	11,9	26,4	15.416	78.606	11,7	10,8	3,05	2,84
Ấn Độ	1.101	4.352	279,7	179	4.060	21.968	52,7	49,1	0,59	0,75
Irắc	1.086	8.308	80,7	192,7	7.580	50.004	32,2	49,2	1,27	1,39
Thái Lan	985	6.448	13	61,9	7.591	41.673	3,4	5,7	1,62	1,4
Ả Rập Xê út	840	5.859	-14,4	18,6	9.357	58.294	-3	5,5	2,13	1,72
Pháp	833	5.612	78	80,3	7.594	45.861	25,9	20,5	1,33	1,4
Nhật Bản	769	5.026	6,5	13,2	7.325	44.850	3,4	1,1	1,57	1,35
Tây Ban Nha	709	4.767	-7,1	17,1	9.436	57.060	28,8	37,7	1,62	1,74
Litva	678	4.415	31,1	59,6	7.365	42.859	104,2	119,1	0,8	1,36
Nga	626	3.600	-19,9	-10	8.821	44.973	40,5	37,7	1,39	1,62
Italia	577	3.051	-19,2	2,9	6.643	26.879	4,9	4	1,4	1,22
Ixraen	567	4.309	-18,8	-2,9	6.977	49.694	18,8	27,1	1,3	1,28
Hy Lạp	322	2.265	4,9	32	3.626	21.799	23,4	29,7	0,65	0,67
Bỉ	289	1.908	10,3	30,7	2.726	15.440	12,4	5,6	0,54	0,5
Đài Loan	286	2.169	-38,8	-29,6	4.437	31.094	18,1	23,3	0,83	0,82
New Zealand	259	1.483	-32,4	-25,4	3.101	15.497	15,8	11	0,59	0,57

Thị trường	Tháng 9/2024		So với tháng 9/2023 (%)		9 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Tỷ trọng tính theo lượng (%)	
	Lượng	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	9 tháng năm 2023	9 tháng năm 2024
Pakixtan	209	1.556	-51,3	-34,7	456	3.132	-75,8	-71,3	0,42	0,08
Nam Phi	181	1.086	82,8	115,3	914	5.026	29,6	30	0,16	0,17
Hồng Kông	177	1.455	8,6	5,6	1.552	12.375	-7,4	-5	0,37	0,29
Ai Cập	159	1.410	-17,2	22,9	1.256	9.181	5	17,8	0,26	0,23
Singapore	136	947	6,3	27,9	899	5.390	3,2	0	0,19	0,17
Na Uy	107	661	-17,1	-12	1.083	6.297	5,5	5,8	0,23	0,2
Philippin	104	670	-67,8	-48,6	2.590	12.099	-1,6	-0,3	0,58	0,48
Cadăcxtan	96	698	23,1	58,4	685	4.264	-17,8	-17	0,18	0,13
Côoét	44	381	-48,2	-16,6	477	3.266	5,5	13,3	0,1	0,09
Ukraina	43	305			87	612			-	0,02
Bêlarút		0	-100	-100	71	402	-17,4	1,4	0,02	0,01

Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan

2.4 Chủng loại hạt điều của Việt Nam xuất khẩu trong tháng 9/2024 và 9 tháng đầu năm 2024

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, trong 9 tháng đầu năm 2024, Việt Nam chủ yếu xuất khẩu các chủng loại hạt điều W320, W204, W180 (chiếm 71,5% trong tổng kim ngạch xuất khẩu điều của cả nước), xuất khẩu 3 mặt hàng này đều tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2023.

+ **Hạt điều W320:** Trong 9 tháng đầu năm 2024, Việt Nam xuất khẩu được 203,37 nghìn tấn hạt điều W320, với trị giá 1,26 tỷ USD, tăng 1,6% về lượng và tăng 7,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Hạt điều W320 của Việt Nam chủ yếu được xuất khẩu sang các thị trường: Mỹ, Hà Lan, Trung Quốc, Đức, Thổ Nhĩ Kỳ, Anh, Canada, UAE, Tây Ban Nha, Australia... Trừ Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ và Australia, xuất khẩu hạt điều W320 của Việt Nam sang các thị trường còn lại đều ghi nhận mức tăng trưởng khả quan trong 9 tháng đầu năm 2024.

Về giá xuất khẩu: Giá bình quân xuất khẩu hạt điều W320 trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt mức 6.228 USD/tấn, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, giá bình quân xuất khẩu hạt điều W320 sang hầu hết các thị trường đều tăng so với cùng kỳ năm 2023 (ngoại trừ giá bình quân xuất khẩu sang Pháp, Litva, Nga, Libya giảm).

+ **Hạt điều W240:** Trong 9 tháng đầu năm 2024, Việt Nam xuất khẩu được 90,78 nghìn tấn hạt điều W240, trị giá 625,56 triệu USD, tăng 33,3% về lượng và tăng 45,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Hạt điều W240 của Việt Nam được xuất khẩu chủ yếu sang các thị trường như: Mỹ, Trung Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ, Irắc, UAE, Ả rập xê út, Hà Lan, Israel... Trừ Ả rập xê út và Hà Lan, xuất khẩu hạt điều W240 của Việt Nam sang các thị trường còn lại đều ghi nhận mức tăng trưởng tốt trong 9 tháng đầu năm 2024.

Về giá xuất khẩu: Giá bình quân xuất khẩu hạt điều W240 trong 9 tháng đầu năm 2024 đạt mức 6.891 USD/tấn, tăng 9,2% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, giá bình quân xuất khẩu hạt điều W240 sang nhiều thị trường tăng, như: Mỹ, Thổ Nhĩ Kỳ, Irắc, UAE, Hà Lan, Mêhicô, Ả rập Xê út, Israel... Ngược lại, giá bình quân xuất khẩu hạt điều W240 sang thị trường Trung Quốc giảm trong 9 tháng đầu năm 2024.

Bảng 3: Chủng loại hạt điều Việt Nam xuất khẩu trong 9 tháng đầu năm 2024

Chủng loại – Thị trường	9 tháng đầu năm 2024			So với cùng kỳ năm 2023 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XK TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKTB
W320	203.372	1.266.636	6.228	1,6	7,8	6,1
Mỹ	43.735	260.360	5.953	9,2	13,7	4,1
Hà Lan	35.996	231.973	6.444	5,3	13,1	7,4
Trung Quốc	16.304	98.356	6.032	-13,5	-13,4	0,1
Đức	12.095	71.586	5.919	9,1	13,6	4,1
Thổ Nhĩ Kỳ	8.369	52.390	6.260	-2,5	8,2	11
Anh	8.082	46.278	5.726	16,7	17,8	0,9
Canada	7.816	47.590	6.089	36,9	46,7	7,2
UAE	6.127	39.017	6.368	17,6	27,5	8,4
Tây Ban Nha	5.767	40.038	6.942	8	29,3	19,8
Australia	5.755	32.359	5.623	-4	-2,3	1,8
Pháp	4.137	25.527	6.170	-9,6	-12,6	-3,3
Thái Lan	4.036	25.669	6.359	-7,9	6,5	15,7
Lítva	3.733	20.927	5.606	98,1	77,5	-10,4
Nga	3.595	20.434	5.684	46,5	36	-7,2
Ả Rập Xê út	3.395	21.406	6.304	-22,5	-13,9	11,1
Nhật Bản	3.268	23.528	7.200	-6,6	3,3	10,6
Hàn Quốc	2.507	16.669	6.650	13,1	22,8	8,7
Italia	2.450	14.469	5.905	-10,9	-4	7,8
Hy Lạp	1.957	12.676	6.479	17,2	30,3	11,1
Đài Loan	1.549	9.895	6.388	27,6	29	1,1
Bỉ	1.449	12.457	8.598	10,2	41,2	28,1

Chủng loại – Thị trường	9 tháng đầu năm 2024			So với cùng kỳ năm 2023 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XK TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKTB
Irắc	1.422	8.655	6.086	57,3	68,1	6,9
Marôc	1.346	12.087	8.980	-52,1	-25,9	54,6
Libya	1.279	7.271	5.685	-39,2	-40,2	-1,6
Angiêri	1.176	8.420	7.163	-48,4	-36,7	22,7
Ba Lan	1.158	8.349	7.212	67,6	107,6	23,9
W240	90.779	625.569	6.891	33,3	45,5	9,2
Mỹ	42.010	295.164	7.026	56,2	78,3	14,2
Trung Quốc	14.618	87.381	5.978	65,7	55,4	-6,2
Thổ Nhĩ Kỳ	3.993	27.256	6.827	17,5	32,1	12,4
Irắc	3.944	26.237	6.652	22,8	33,5	8,7
UAE	3.793	27.165	7.162	47,6	64,1	11,2
Ả Rập Xê út	2.685	18.279	6.807	-2,2	2,8	5,1
Hà Lan	2.587	19.437	7.514	-12,6	-3,5	10,5
Israel	2.019	14.280	7.073	5,7	17	10,6
Mexico	1.683	13.993	8.313	22,1	29,9	6,4
Australia	1.351	8.721	6.453	91,4	102,2	5,6
W180	55.184	360.371	6.530	92,3	74,2	-9,4
Trung Quốc	35.508	201.630	5.678	94,1	59,9	-17,6
Thổ Nhĩ Kỳ	2.883	23.642	8.201	279,4	295,4	4,2
Israel	2.734	22.888	8.370	28,1	31	2,3
UAE	1.883	15.159	8.048	177,7	185,7	2,9
Irắc	1.430	11.564	8.088	126,5	146,9	9
Ả Rập Xê út	1.413	11.507	8.143	41,1	45,6	3,2
Gioocdani	1.165	9.509	8.162	223,5	242,9	6
Li Băng	1.070	8.573	8.009	178,8	186,4	2,7
Mỹ	943	6.085	6.455	115,5	142,7	12,6
Australia	751	6.146	8.188	92,5	96,3	2
WS/WB	27.788	118.159	4.252	11,6	4,6	-6,3
Mỹ	12.393	52.032	4.199	8,1	2,1	-5,5
Anh	2.400	9.345	3.893	-3,5	-14,2	-11,1
Hà Lan	2.005	7.957	3.968	-7,4	-17,2	-10,6
Philippin	1.566	7.076	4.519	-6	-9,1	-3,3
Australia	1.346	5.252	3.902	47,4	31,3	-10,9
Trung Quốc	953	4.271	4.482	34,8	29,2	-4,2
Nga	745	3.192	4.283	52,4	51,6	-0,5
Lítva	715	3.112	4.351	28,6	14,2	-11,2
Italia	600	2.313	3.852	24,2	12,3	-9,5
Pháp	457	1.686	3.685	221,4	166,5	-17,1
LP	17.466	60.855	3.484	-10	-19,8	-10,9
Mỹ	6.782	26.346	3.885	-21,9	-27,3	-6,9
UAE	1.390	2.628	1.891	3,4	-15,3	-18,1
Nhật Bản	866	3.962	4.576	15,2	7	-7,1
Đức	849	3.572	4.207	45,2	45,7	0,3
Hà Lan	836	2.902	3.470	2,7	-16,1	-18,3
Indonesia	719	1.663	2.312	4,3	-42	-44,4

Chủng loại – Thị trường	9 tháng đầu năm 2024			So với cùng kỳ năm 2023 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XK TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKTB
Anh	704	2.094	2.974	-11,1	-27,1	-18
Canada	634	2.236	3.524	-36,6	-44,7	-12,7
Nga	612	1.740	2.843	8,4	-17,2	-23,6
Italia	522	1.890	3.618	1,9	-10	-11,7
W450	10.964	65.607	5.984	1,6	5,5	3,9
Hà Lan	1.791	9.960	5.561	40,2	41,7	1
Nga	1.505	8.391	5.574	36,1	31,5	-3,4
Trung Quốc	1.329	7.629	5.739	43,1	59,1	11,2
Mỹ	1.228	6.713	5.466	-45,3	-45,4	-0,2
Đức	1.206	7.149	5.926	32,9	37,6	3,6
Hàn Quốc	882	6.299	7.140	7,7	33,2	23,7
New Zealand	330	1.854	5.613	12,8	9,9	-2,5
Anh	319	1.624	5.094	28	23,7	-3,4
Nhật Bản	263	2.078	7.898	-32,6	-12,6	29,6
Italia	207	1.160	5.608	-12,4	-8,1	5
SP	5.943	14.841	2.497	-4,1	-7,8	-3,8
Indonesia	1.092	1.015	930	12,2	-36,8	-43,6
Italia	851	1.762	2.070	19	12,2	-5,7
Australia	589	1.656	2.810	-23	-24,5	-2
Mỹ	560	2.043	3.651	17,8	19,7	1,6
Anh	424	1.173	2.769	-36,5	-43,9	-11,6
Ả Rập Xê út	368	709	1.927	-14	-17,1	-3,6
New Zealand	219	719	3.276	-38,9	-37,6	2,1
Hà Lan	218	777	3.570	-24,4	-13	15,1
Trung Quốc	216	969	4.493	2.386	4.913	101,7
Philippin	183	501	2.733	-8,9	-5,1	4,2
DW	2.585	13.998	5.416	-18,2	-4	17,3
Trung Quốc	1.914	9.741	5.088	13,5	30,4	14,9
Irắc	226	774	3.426	175,6	131,7	-15,9
Nga	188	1.089	5.778	-30,6	-8,2	32,3
Australia	89	543	6.088	-38,9	-21,2	29,1
Ả Rập Xê út	52	250	4.833	23,2	112,2	72,2
Campuchia	26	40	1.555			
Rumani	17	74	4.360	50	50,7	0,5
Mỹ	16	1.218	74.592	-89,1	19,1	987,9
Litva	13	53	4.100	-86,5	-87,8	-8,9
New Zealand	12	42	3.454	168,5	129	-14,7
Loại khác	74.439	590.270	7.930	26,4	26,7	0,2
Trung Quốc	19.395	101.822	5.250	-3,7	-12,7	-9,3
Mỹ	13.365	216.406	16.192	86,3	42,6	-23,5
Đức	3.022	18.360	6.075	111,4	102,1	-4,4
Hà Lan	3.012	18.084	6.004	91,6	96,9	2,8
UAE	2.775	18.817	6.782	93	117,8	12,9
Canada	2.570	22.132	8.612	16,6	23,1	5,6
Australia	2.458	17.484	7.114	-6,1	-6,2	-0,1

Chủng loại – Thị trường	9 tháng đầu năm 2024			So với cùng kỳ năm 2023 (%)		
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Giá XK TB (USD/tấn)	Lượng	Trị giá	Giá XKTB
Iran	2.152	12.927	6.008	111,2	112,3	0,5
Indonesia	1.925	3.720	1.932	32,3	35,3	2,3
Pháp	1.798	11.925	6.631	1.202	788,5	-31,8
Italia	1.677	4.321	2.577	8,6	29,5	19,2
Thổ Nhĩ Kỳ	1.651	9.772	5.919	19,1	42,7	19,7
Lítva	1.591	10.293	6.470	185,8	237,7	18,2
Anh	1.582	12.923	8.170	7,7	18,8	10,3
Nhật Bản	1.350	12.950	9.589	-10,3	-4,5	6,5
Israel	1.227	8.648	7.051	67,8	95	16,2
Nga	1.220	6.632	5.436	97,9	88,8	-4,6
Ấn Độ	1.202	11.393	9.482	194,4	189,5	-1,7
Thái Lan	1.000	4.217	4.217	222,8	74,6	-45,9

Nguồn: Tính toán sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan

III. Triển vọng xuất khẩu hạt điều của Việt Nam trong thời gian tới

3.1 Dung lượng thị trường nhập khẩu hạt điều của thị trường Mỹ và thị phần của Việt Nam

3.1.1 Tình hình nhập khẩu hạt điều của thị trường Mỹ

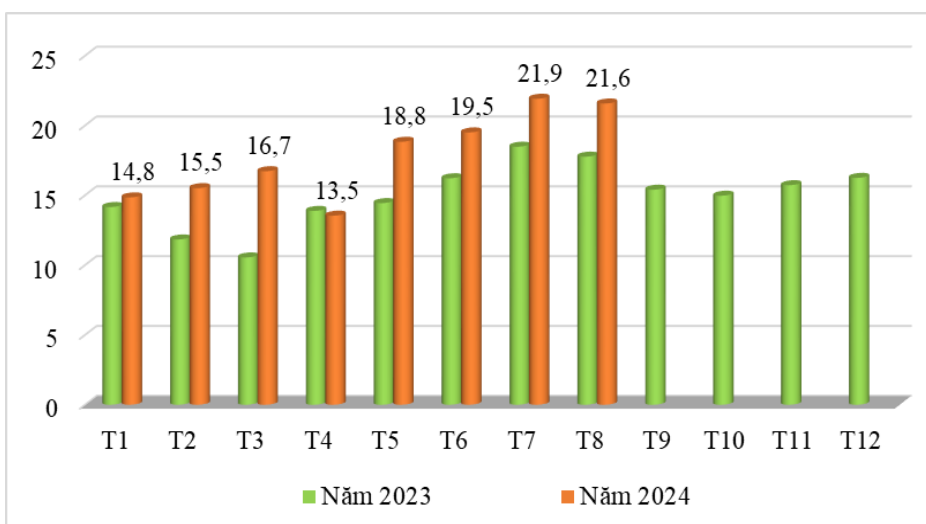
Mỹ là nước tiêu thụ hạt điều lớn nhất thế giới, tiếp theo là Đức, Hà Lan, Trung Quốc, UAE và Anh. Mỹ nhập khẩu rất nhiều hạt điều để đáp ứng nhu cầu trong nước. Hạt điều ở Mỹ chủ yếu được bán trong các siêu thị. Phần lớn người tiêu dùng trong nước tập trung ở các thành phố New York, Los Angeles và Chicago. Các cửa hàng bán lẻ nhỏ hơn, chợ bán buôn và cửa hàng thực phẩm đặc sản bán hạt điều với số lượng ít hơn.

Trong những năm gần đây, người tiêu dùng Mỹ đã đưa hạt điều vào chế độ ăn uống của họ như một món ăn nhẹ và thành phần trong nhiều loại thực phẩm khác nhau. Xu hướng này được thúc đẩy bởi một số yếu tố, bao gồm lợi ích sức khỏe của hạt điều, chẳng hạn như hàm lượng dinh dưỡng cao, bao gồm chất béo lành mạnh, protein và chất xơ. Hơn nữa, hạt điều là một thành phần có thể được sử dụng theo nhiều cách khác nhau, bao gồm cả việc thay thế sữa trong các sản phẩm như sữa chua bơ hạt điều. Sự phổ biến của các nguyên liệu thực phẩm chế biến từ hạt điều như sữa hạt điều, bơ, bánh quy, sinh tố, đồ ăn nhẹ, sữa, kem, phô mai và

nhiều loại khác ở nước này sẽ tăng lên dẫn đến lượng nhập khẩu cao hơn trong những năm tới.

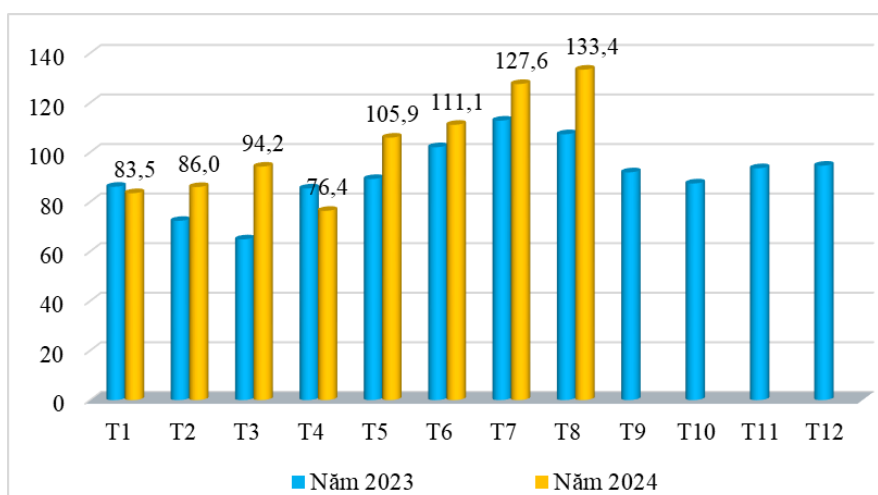
Theo số liệu thống kê của Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ, 8 tháng đầu năm 2024, Mỹ nhập khẩu gần 142,44 tấn hạt điều (HS: 080131, 080132, 2008191040), trị giá 817,99 triệu USD, tăng 21,4% về lượng và tăng 13,6% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, Việt Nam, Bờ Biển Ngà, Ấn Độ, Bỉ và Thái Lan là 5 thị trường lớn nhất cung cấp hạt điều cho Mỹ. Trừ Thái Lan, lượng hạt điều nhập khẩu của Mỹ từ các thị trường còn lại đều tăng so với cùng kỳ năm 2023.

Biểu đồ 4: Lượng hạt điều nhập khẩu của Mỹ qua các tháng năm 2023-2024 (ĐVT: nghìn tấn)



Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ

Biểu đồ 5: Kim ngạch nhập khẩu hạt điều của Mỹ qua các tháng năm 2023-2024 (ĐVT: triệu USD)



Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ

3.1.2 Cơ cấu nguồn cung

Trong 8 tháng đầu năm 2024, Mỹ nhập khẩu hạt điều từ 39 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Trong đó, Việt Nam vẫn là nguồn cung hạt điều lớn nhất cho Mỹ. Theo số liệu từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ, 8 tháng đầu năm 2024, Mỹ nhập khẩu hạt điều từ Việt Nam đạt 126,63 nghìn tấn, với trị giá 713,89 triệu USD, tăng 23,5% về lượng và tăng 16,3% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần hạt điều của Việt Nam chiếm 88,9% về lượng và chiếm 87,3% về trị giá trong tổng nhập khẩu hạt điều của Mỹ trong 8 tháng đầu năm 2024.

Đứng thứ hai là Bờ Biển Ngà, trong 8 tháng đầu năm 2024, Mỹ nhập khẩu 4,93 nghìn tấn hạt điều từ Bờ Biển Ngà, với trị giá 25,25 triệu USD, tăng 4% về lượng, nhưng giảm 0,02% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần hạt điều của Bờ Biển Ngà chiếm 3,5% về lượng và chiếm 3,1% về trị giá trong tổng nhập khẩu hạt điều của Mỹ trong 8 tháng đầu năm 2024.

Đứng thứ ba là Ấn Độ, trong 8 tháng đầu năm 2024, Mỹ nhập khẩu 2,35 nghìn tấn hạt điều từ Ấn Độ, với trị giá 18,47 triệu USD, tăng 22% về lượng và tăng 5,4% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. Thị phần hạt điều của Ấn Độ chiếm 1,7% về lượng và chiếm 2,3% về trị giá trong tổng nhập khẩu hạt điều của Mỹ trong 8 tháng đầu năm 2024.

Qua số liệu phân tích trên có thể thấy, ngành điều Việt Nam hầu như không chịu sự cạnh tranh lớn nào từ các nước sản xuất hạt điều khác tại Mỹ.

Bảng 4: Nguồn cung hạt điều cho Mỹ trong 8 tháng đầu năm 2024 và thị phần của Việt Nam

Thị trường	8 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Tỷ trọng 8 tháng năm 2023 (%)		Tỷ trọng 8 tháng năm 2024 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng	142.439	817.997	21,4	13,6	100	100	100	100
Việt Nam	126.638	713.889	23,5	16,3	87,4	85,2	88,9	87,3
Bờ Biển Ngà	4.937	25.251	4,0	0,0	4,0	3,5	3,5	3,1
Ấn Độ	2.352	18.477	22,0	5,4	1,6	2,4	1,7	2,3
Bỉ	1.840	9.933	443,8	380,0	0,3	0,3	1,3	1,2
Thái Lan	1.751	18.180	-15,6	-21,8	1,8	3,2	1,2	2,2

Thị trường	8 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Tỷ trọng 8 tháng năm 2023 (%)		Tỷ trọng 8 tháng năm 2024 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Braxin	1.678	9.994	-42,9	-41,6	2,5	2,4	1,2	1,2
Canada	979	9.675	21,2	8,0	0,7	1,2	0,7	1,2
Indonesia	788	4.065	488,2	371,7	0,1	0,1	0,6	0,5
Ghana	585	2.970	93,4	86,4	0,3	0,2	0,4	0,4
Nigeria	481	2.404	-47,2	-54,4	0,8	0,7	0,3	0,3
Mozambique	133	928	-3,7	-5,7	0,1	0,1	0,1	0,1
Đức	74	593	75,4	48,6	0,0	0,1	0,1	0,1
Burkina Faso	48	397	68,3	47,5	0,0	0,0	0,0	0,0
Mali	32	172			-	-	0,0	0,0
Tây Ban Nha	20	139	647,6	241,0	0,0	0,0	0,0	0,0
Ethiopia	19	189			-	-	0,0	0,0
Mexico	19	252	60,8	61,8	0,0	0,0	0,0	0,0
Singapore	16	69	0,0	-24,7	0,0	0,0	0,0	0,0
New Zealand	12	74	4,5	57,5	0,0	0,0	0,0	0,0
Anh	9	28	-8,2	-22,0	0,0	0,0	0,0	0,0
Tanzania	5	34	-93,5	-93,9	0,1	0,1	0,0	0,0
Hà Lan	3	26	-97,5	-97,0	0,1	0,1	0,0	0,0
Hàn Quốc	3	49	66,7	56,3	0,0	0,0	0,0	0,0
Thổ Nhĩ Kỳ	3	22	154,8	205,3	0,0	0,0	0,0	0,0
Jordan	2	25	-29,1	-16,4	0,0	0,0	0,0	0,0
Sri Lanka	2	16	35,3	28,7	0,0	0,0	0,0	0,0
Afghanistan	2	9			-	-	0,0	0,0
Israel	2	11	113,9	9,4	0,0	0,0	0,0	0,0
Serbia	2	21			-	-	0,0	0,0
Hồng Kông	2	16	-49,8	-56,8	0,0	0,0	0,0	0,0
Pháp	1	39	58,9	87,7	0,0	0,0	0,0	0,0
Trung Quốc	1	4			-	-	0,0	0,0
Philippin	1	17	-51,0	227,7	0,0	0,0	0,0	0,0

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ

(* Ghi chú: HS 080131- Hạt điều tươi hoặc khô, chưa tách vỏ; HS 080132 - Hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ; HS 2008191040 - Hạt điều chế biến

3.1.3 Chứng loại nhập khẩu

Trong 8 tháng đầu năm 2024, Mỹ nhập khẩu chủ yếu là hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ (HS 080132) và hạt điều chế biến (HS 2008191040). Trong đó, nhập khẩu hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ là nhiều nhất, đạt 113,22 nghìn tấn, với trị giá 621,44 triệu USD, tăng 20% về lượng và tăng 14,4% về trị giá so với cùng kỳ

năm 2023. Trong đó, Việt Nam, Bờ Biển Ngà, Bì, Braxin và Ấn Độ, là 5 thị trường lớn nhất cung cấp hạt điều tươi hoặc khô đã tách vỏ cho Mỹ. Trừ Braxin, lượng hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ nhập khẩu của Mỹ từ các thị trường còn lại đều tăng so với cùng kỳ năm 2023.

Trong đó, Việt Nam vẫn là nguồn cung hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ lớn nhất cho Mỹ. Theo số liệu từ Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ, 8 tháng đầu năm 2024, Mỹ nhập khẩu hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ từ Việt Nam đạt 101,23 nghìn tấn, với trị giá 553,87 triệu USD, tăng 21,4% về lượng và tăng 16% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Thị phần hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ của Việt Nam chiếm 89,4% về lượng và chiếm 89,1% về trị giá trong tổng nhập khẩu hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ của Mỹ trong 8 tháng đầu năm 2024.

Bảng 5: Các chủng loại hạt điều nhập khẩu của Mỹ trong 8 tháng năm 2024 và thị phần của Việt Nam

Thị trường	8 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Tỷ trọng 8 tháng năm 2023 (%)		Tỷ trọng 8 tháng năm 2024 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Hạt điều tươi hoặc khô, chưa tách vỏ (HS 080131)	67	369	-7,7	-27,6	100	100	100	100
Việt Nam	57	331	-6,9	-17,4	84,4	78,6	85,1	89,7
Anh	9	28	169,0	72,0	4,6	3,2	13,5	7,6
Hàn Quốc	1	4			-	-	0,7	1,1
Ấn Độ	0	6			-	-	0,6	1,5
Hạt điều tươi hoặc khô, đã tách vỏ (HS 080132)	113.222	621.446	20,0	14,4	100	100	100	100
Việt Nam	101.234	553.878	21,4	16,0	88,3	87,9	89,4	89,1
Bờ Biển Ngà	4.936	25.247	5,6	1,0	5,0	4,6	4,4	4,1
Bì	1.840	9.933	468,1	402,5	0,3	0,4	1,6	1,6
Braxin	1.672	9.951	-43,0	-41,7	3,1	3,1	1,5	1,6
Ấn Độ	921	6.329	41,2	30,3	0,7	0,9	0,8	1,0
Indonesia	786	4.042	550,3	470,4	0,1	0,1	0,7	0,7
Ghana	585	2.970	93,4	86,4	0,3	0,3	0,5	0,5
Thái Lan	500	4.925	-18,3	-24,4	0,6	1,2	0,4	0,8
Nigeria	481	2.404	-47,2	-54,3	1,0	1,0	0,4	0,4
Mozambique	66	269	3,0	-14,4	0,1	0,1	0,1	0,0
Burkina Faso	48	397	68,3	47,5	0,0	0,0	0,0	0,1
Đức	48	389	51,5	28,8	0,0	0,1	0,0	0,1
Mali	32	172			-	-	0,0	0,0

Thị trường	8 tháng năm 2024		So với cùng kỳ năm 2023 (%)		Tỷ trọng 8 tháng năm 2023 (%)		Tỷ trọng 8 tháng năm 2024 (%)	
	Lượng (tấn)	Trị giá (nghìn USD)	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tây Ban Nha	20	134			-	-	0,0	0,0
Ethiopia	19	189			-	-	0,0	0,0
Singapore	16	69	0,0	-24,7	0,0	0,0	0,0	0,0
Tanzania	5	34	-92,8	-91,3	0,1	0,1	0,0	0,0
Hà Lan	3	26	-97,4	-96,9	0,1	0,2	0,0	0,0
Sri Lanka	2	16	35,3	28,7	0,0	0,0	0,0	0,0
Canada	2	16	-14,2	-16,8	0,0	0,0	0,0	0,0
Afghanistan	2	9			-	-	0,0	0,0
Thổ Nhĩ Kỳ	2	15	800,0	570,7	0,0	0,0	0,0	0,0
Hồng Kông	2	16	-49,8	-56,8	0,0	0,0	0,0	0,0
Hạt điều chế biến (HS 2008191040)	29.150	196.182	27,3	11,4	100	100	100	100
Việt Nam	25.348	159.680	32,6	17,4	83,5	77,2	87,0	81,4
Ấn Độ	1.431	12.143	12,1	-4,2	5,6	7,2	4,9	6,2
Thái Lan	1.251	13.255	-14,4	-20,7	6,4	9,5	4,3	6,8
Canada	977	9.659	21,4	8,1	3,5	5,1	3,4	4,9
Mozambique	67	659	-9,5	-1,6	0,3	0,4	0,2	0,3
Đức	26	204	147,3	110,0	0,0	0,1	0,1	0,1
Mexico	19	252	60,8	61,8	0,1	0,1	0,1	0,1
New Zealand	12	74	4,5	57,5	0,1	0,0	0,0	0,0
Braxin	6	43	43,3	24,8	0,0	0,0	0,0	0,0
Hàn Quốc	3	45	39,3	43,0	0,0	0,0	0,0	0,0
Jordan	2	25	-10,2	-0,4	0,0	0,0	0,0	0,0
Israel	2	11	275,6	122,3	0,0	0,0	0,0	0,0
Serbia	2	21			-	-	0,0	0,0
Indonesia	1	23	-89,6	-85,1	0,1	0,1	0,0	0,0
Thổ Nhĩ Kỳ	1	7	27,1	37,6	0,0	0,0	0,0	0,0
Pháp	1	39	58,9	87,7	0,0	0,0	0,0	0,0
Trung Quốc	1	4			-	-	0,0	0,0
Philippin	1	17	-51,0	227,7	0,0	0,0	0,0	0,0
Tổng	142.439	817.997	21,4	13,6	100	100	100	100

Nguồn: Ủy ban Thương mại Quốc tế Mỹ

3.2 Dự báo xuất khẩu hạt điều trong thời gian tới

Việt Nam vẫn duy trì vị thế dẫn đầu thế giới trong xuất khẩu hạt điều trong suốt 16 năm liên tiếp, với việc chiếm tới gần 80% tổng sản lượng toàn cầu. Trong 9 tháng đầu năm 2024, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam ghi nhận tốc độ tăng trưởng cao nhờ khai thác tốt hầu hết các thị trường xuất khẩu truyền thống và tiềm năng như Mỹ, Trung Quốc, EU, UAE, Ấn Độ... Bên cạnh đó, giá bình quân xuất

khẩu hạt điều của Việt Nam có xu hướng tăng, tác động tích cực lên toàn ngành, giúp ngành điều nước ta gia tăng giá trị sản phẩm.

Với xu hướng ưa chuộng chế độ ăn thuần chay và thực vật trên toàn cầu đã tạo ra nhu cầu tăng cao đối với các loại hạt và thực phẩm chế biến từ hạt, trong đó có hạt điều. Tuy nhiên mặt hàng điều vẫn phải đối mặt với các thách thức về giá cước, thủ tục pháp lý và vấn đề chất lượng sản phẩm khi xuất khẩu vào các thị trường khó tính như Mỹ, EU. Điều này cho thấy tầm quan trọng của việc chọn lựa đối tác logistics phù hợp và hiệu quả, cũng như sự cần thiết của việc ủy thác cho các công ty chuyên nghiệp trong việc giải quyết các vấn đề vận chuyển và thủ tục xuất nhập khẩu, nhằm tối ưu hóa chi phí và thúc đẩy sự tăng trưởng trong ngành xuất khẩu điều của Việt Nam.

Trong các tháng cuối năm 2024, xuất khẩu hạt điều của Việt Nam sẽ tiếp tục khả quan nhờ nhu cầu nhập khẩu từ Mỹ, EU tăng phục vụ tiêu dùng các dịp lễ cuối năm. Đây cũng là cơ hội để doanh nghiệp điều trong nước tăng tốc xuất khẩu. Trong năm 2024, Việt Nam đặt mục tiêu kim ngạch xuất khẩu hạt điều đạt mức kỷ lục 3,8 tỷ USD (cao hơn khoảng 200 triệu USD so với năm 2023). Tuy nhiên, ngành điều cũng đang phải đối mặt với bài toán nguyên liệu, chi phí sản xuất, cùng làn sóng dịch chuyển sang sản xuất xanh. Do đó, các doanh nghiệp cần chủ động theo dõi sát diễn biến thị trường, đầu tư nâng cao chất lượng để giữ vững đà xuất khẩu.

Hiệp hội Điều Việt Nam cho biết, mặc dù kim ngạch xuất khẩu hạt điều đang tăng và vẫn có chênh lệch so với kim ngạch nhập khẩu nguyên liệu, nhưng khoảng cách đã dần thu hẹp. Trong 9 tháng đầu năm 2024, ngành điều đã chi 2,67 tỷ USD nhập khẩu nguyên liệu điều thô để chế biến, có thể thấy xuất và nhập đang tiến gần bằng nhau. Thực tế, vùng nguyên liệu trong nước ngày càng thu hẹp, chỉ đáp ứng được khoảng 10 - 12% nhu cầu nguyên liệu điều thô cho các nhà máy, khoảng 90% nguyên liệu phải dựa vào nguồn nhập khẩu từ châu Phi, Campuchia... Những năm trước, nguồn cung khá lớn nhưng năm nay hạn hán mất mùa, sản lượng hạt điều sụt giảm mạnh.

Bên cạnh đó, chính sách xuất khẩu hạt điều thô của các nước châu Phi cũng siết chặt hơn, vì vậy giá bán điều thô có lúc đã tăng lên 50%. Trong khi đó, giá điều nhân xuất khẩu mặc dù có tăng, một số khách hàng đồng ý thương lượng nâng lên một chút nhưng vẫn không thể nào bằng với tốc độ tăng giá nguyên liệu. Tình hình này lý giải vì sao kim ngạch nhập khẩu hạt điều đang dần bắt kịp kim ngạch xuất khẩu.

Với biến động giá nguyên liệu điều thô đã gây ra sự thay đổi trong cấu trúc nhu cầu của thị trường. Với giá cao hơn, người tiêu dùng có thể chuyển sang sử dụng các loại hạt thay thế hoặc giảm lượng tiêu thụ. Điều này có thể làm giảm doanh số bán hàng và ảnh hưởng đến lợi nhuận của các doanh nghiệp xuất khẩu hạt điều. Đồng thời, nếu giá hạt điều tiếp tục tăng mạnh, các doanh nghiệp cần tìm cách tăng năng suất sản xuất hoặc tìm kiếm nguồn cung cấp hạt điều thô từ các nguồn khác nhau, để đáp ứng nhu cầu tiêu thụ.

Do đó, doanh nghiệp sẽ xem xét tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm chế biến sâu và đầu tư cho nghiên cứu phát triển thị trường. Bên cạnh việc khơi dậy nhu cầu từ đó sáng tạo sản phẩm để đáp ứng, doanh nghiệp phải có những phương thức quảng bá năng động để nhanh chóng đưa sản phẩm chế biến đến với người tiêu dùng cuối cùng. Cách thức này có thể giúp doanh nghiệp điều tiết được nguồn nguyên liệu hiện có và vẫn giữ vững được thị trường, cũng như uy tín của ngành điều Việt Nam.

Nhiều năm qua, Việt Nam dẫn đầu chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị điều toàn cầu, nhưng vị thế đó đang lung lay và có thể sẽ mất nếu không kịp thời thay đổi. Doanh nghiệp điều Việt Nam cần đẩy mạnh chế biến sâu để nâng dần tỷ trọng trong chuỗi giá trị ngành điều thế giới. Cùng với đó, xây dựng được vùng nguyên liệu, bởi không có nguồn nguyên liệu ổn định, ngành hàng rất khó để phát triển bền vững. Bên cạnh đó, để tận dụng những dư địa của ngành điều, việc tăng cường xúc tiến thương mại, hỗ trợ doanh nghiệp chế biến, kinh doanh sản phẩm điều đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử, xúc tiến xuất khẩu hàng hóa trên môi trường mạng là một kênh quan trọng trong quảng bá và giúp ngành hạt điều Việt Nam dễ dàng tiếp cận với thị trường thế giới.

IV. Quy định tiêu chuẩn hạt điều xuất khẩu sang Mỹ

Mỹ là thị trường khó tính và luật pháp bảo vệ cho người dân được thực hiện rất nghiêm túc nên các doanh nghiệp sản xuất hoặc xuất khẩu hạt điều sang Mỹ cần phải nghiên cứu kỹ các quy định của thị trường này, tránh rơi vào tổn thất do bị trả hàng, bị tổn thất do vận chuyển, bảo hiểm hoặc bị kiện tụng.

Việc nhập khẩu hạt điều trước tiên phải thông qua Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Mỹ (CBP). Sau đó, chúng được thử nghiệm bằng một số giao thức an toàn thực phẩm do Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Mỹ (FDA) đặt ra. Chính phủ Mỹ đặt ra các yêu cầu đối với những người nhập khẩu các sản phẩm thực phẩm như hạt điều thông qua Bộ Y tế và Dịch vụ Nhân sinh Mỹ (HHS).

4.1. Chứng chỉ/điều kiện xuất khẩu

+ Đăng ký chứng nhận FDA: bất cứ nhà xuất khẩu nào nếu muốn đưa sản phẩm (thực phẩm, đồ uống, dược phẩm) vào Mỹ đều phải tuân thủ những quy định của Cục FDA và có được giấy chứng nhận FDA. Doanh nghiệp phải đăng ký với FDA để được cấp mã số cơ sở thực phẩm FFR. Ngoài ra, cứ hai năm một lần, các doanh nghiệp nước ngoài, trong đó có các doanh nghiệp Việt Nam, đang xuất khẩu hàng thực phẩm và đồ uống cho người và động vật vào thị trường Mỹ lại phải đăng ký lại Cơ sở sản xuất và Người đại diện tại Mỹ với Cục quản lý thực phẩm và dược phẩm Mỹ (FDA) để được cấp mã số kinh doanh hợp lệ mới.

+ Tất cả sản phẩm khi nhập khẩu đều phải có giấy chứng nhận quốc tế ISO 9002 và HACCP.

+ Các quy định về SPS, an toàn vệ sinh thực phẩm, kiểm dịch động thực vật được ban hành, giám sát và thực thi bởi các cơ quan khác nhau. Cụ thể: (i) Cục quản lý Dược phẩm và Thực phẩm (FDA) chịu trách nhiệm cho hầu hết các giám sát An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền của Đạo luật Thực phẩm, Dược phẩm và Mỹ phẩm Liên bang Mỹ và pháp luật khác; FDA có trách nhiệm về bảo vệ người tiêu dùng chống lại sự không sạch sẽ, không an toàn và gian lận khi gắn nhãn thực phẩm khác hơn là trong các lĩnh vực quy định của FSIS; (ii) Cơ quan Kiểm dịch và An toàn thực phẩm Mỹ (FSIS) có trách nhiệm đảm bảo rằng

thịt, gia cầm và sản phẩm trứng được an toàn, lành mạnh và nhãn chính xác; (iii) Bộ Nông nghiệp (USDA) có trách nhiệm kiểm tra sự an toàn của thịt và trứng, cũng như động vật và thực vật kiểm soát sâu bệnh, bao gồm cả kiểm tra kiểm dịch thực vật và động vật và dịch hại cây trồng; (iv) Cơ quan bảo vệ môi trường (EPA) có trách nhiệm quản lý thuốc trừ sâu, bao gồm đăng ký thuốc trừ sâu và sử dụng các thiết lập tương ứng với tiêu chuẩn. Các tổ chức này đóng một vai trò rất quan trọng về an toàn thực phẩm các loại khác nhau và trong các giai đoạn khác nhau.

+ Quy định về nhãn hàng hóa: Việc ghi nhãn sản phẩm là một việc quan trọng và được quy định chặt chẽ bởi pháp luật. Một số sản phẩm có những quy định dán nhãn bắt buộc. Việc ghi sai hoặc thiếu nhãn sản phẩm theo quy định có thể bị từ chối nhập cảnh tại cảng, hoặc bị phạt vì vi phạm các quy định ghi nhãn của Mỹ. Việc quản lý và kiểm tra các quy định ghi nhãn do một số cơ quan chính phủ khác nhau ban hành và giám sát, bao gồm Ủy ban Thương mại công bằng (FTC – Federal Trade Commission), Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm (FDA), Ủy ban An toàn sản phẩm tiêu dùng (Consumer product Safety Commission CPSC) và nhiều cơ quan khác, tùy thuộc vào chủng loại hàng hóa.

+ Truy xuất nguồn gốc: Chương trình ghi nhãn nước xuất xứ (COOL) yêu cầu tên nước xuất xứ phải được ghi rõ trên nhãn của sản phẩm đối với một số mặt hàng nông sản.

Sản phẩm cần hợp chuẩn

Doanh nghiệp cần lưu ý về đạo luật cải thiện an toàn sản phẩm tiêu dùng năm 2008 của Mỹ. Đạo luật buộc sản phẩm khi vào thị trường Mỹ cần phải có giấy chứng nhận nêu lên sự hợp chuẩn. Việc chứng nhận phải tuân theo một chương trình thử nghiệm hợp lý. Giấy chứng nhận phải kèm theo sản phẩm và phải xuất trình được khi có yêu cầu của Hải quan Mỹ hoặc Ủy ban an toàn sản phẩm tiêu dùng Mỹ.

Vấn đề kiện tụng

Cũng cần lưu tâm đến các yếu tố kiện tụng có thể xảy ra khi xuất khẩu hạt điều sang Mỹ. Luật pháp Mỹ quy định các rủi ro trong quá trình sử dụng thì người sản xuất hoặc nhà bán lẻ phải bồi thường với lý do sản phẩm không dán nhãn khuyến cáo.

Các loại bao bì đóng gói, túi nhôm, túi hút ẩm đóng gói hạt điều cũng cần phải tuân theo các quy định do Ủy ban an toàn Mỹ đề ra.

Doanh nghiệp Việt cần cẩn thận trước khi xuất khẩu sang Mỹ. Tốt nhất là nên có những thử nghiệm về tính an toàn của sản phẩm hạt điều. Doanh nghiệp cũng cần quan sát phản hồi của khách hàng. Nếu có phát sinh lỗi cần báo ngay đến Ủy ban an toàn Mỹ để có biện pháp khắc phục. Chính Phủ Mỹ có thể ra lệnh tiêu hủy nếu sản phẩm vi phạm các yêu cầu của ủy ban.

Quy trình chế biến hạt điều xuất khẩu:

Quy trình chế biến hạt điều xuất khẩu cũng tương tự như quy trình chế biến cung ứng nội địa. Mỗi quan tâm hàng đầu của hàng xuất khẩu chính là thị hiếu người dùng và luật pháp liên quan của nước cần xuất đến.

Hạt điều thô muốn xuất khẩu được phải tra qua 12 bước:

Hạt điều thô => Sàng bụi => Hấp => Phân loại hạt => Tách vỏ cứng => Sấy nhân => Làm ẩm => Bóc vỏ lụa => Tách sót lụa => Cạo lụa => Phân loại => Đóng gói xuất khẩu (hoặc chế biến thành phẩm rồi đóng gói xuất khẩu).

Hạt điều được đóng gói vào các túi hút chân không để hạn chế bị nấm mốc. Có thể đóng gói chung với gói hút ẩm để bảo quản được lâu. Tuy nhiên cần xem thêm các quy định về gói hút ẩm của nơi cần xuất khẩu đến. Cũng cần lưu ý là mỗi bang của Mỹ có thể có những chính sách khác nhau cho từng hạng mục nhập khẩu. Vì vậy cần xem xét thật kỹ nhãn hiệu gói hút ẩm hoặc gói hút oxy khi đóng gói kèm theo hạt điều.

Túi đựng hạt điều phải được dán nhãn theo hướng dẫn do FDA quy định. Tất cả nhãn bằng ngôn ngữ nước ngoài phải được dịch sang tiếng Anh. Nhãn phải bao gồm các thông tin sau:

- + Tên và địa chỉ của nhà sản xuất
- + Thương hiệu hoặc nhãn hiệu
- + Nước xuất xứ
- + Loại hạt điều và cấp độ
- + Hướng dẫn bảo quản và yêu cầu về nhiệt độ
- + Trọng lượng tịnh và số lượng hạt điều trong mỗi hộp hoặc túi polythene
- + Thông tin dinh dưỡng
- + Hạn sử dụng
- + Ngày đóng gói

Xuất khẩu hạt điều sang Mỹ cần tuân thủ nhiều quy định liên quan. Và khi sản phẩm đã đến tay người tiêu dùng thì vẫn xuất hiện nhiều rủi ro trong kiện tụng. Vì vậy các doanh nghiệp hạt điều tại Việt Nam nếu muốn xuất khẩu sang Mỹ cần tìm hiểu rõ thị trường này. Tránh bị tổn thất do vận chuyển hoặc bị trả hàng, kiện tụng...

4.2. Tiêu chuẩn AFI đối với hạt điều nhập khẩu vào Mỹ

4.2.1. Quy cách hạt điều nhân

4.2.1.1 Yêu cầu chung

- Các chuyên hàng hạt điều nhập khẩu vào Mỹ phải có chất lượng và bảo quản tốt phù hợp với tập quán thương mại, đặc biệt không được phép nhiễm sâu sổng.

- Quy cách đóng gói hạt điều: không được phép đóng hạt điều thành các khối cứng, phải đóng trong thùng mới, không được rò rỉ, hàn chì, không lót giấy bên trong và phải sạch, khô. Việc đóng gói phải chắc chắn nhằm đảm bảo hàng hóa nguyên vẹn suốt quá trình vận chuyển và lưu kho.

Thùng carton bao bọc bên ngoài phải mới, sạch sẽ và không được có côn trùng, nấm mốc. Phần niêm phong không được dùng đinh ghim trừ khi có yêu cầu của người dùng sau cùng.

4.2.1.2. Yêu cầu về thùng carton

- + Phải chịu được lực 32 ECT hoặc 200 pound
- + Khí nạp CO₂ trong việc đóng gói phải là loại chuyên dùng cho thực phẩm.
- + Tất cả thùng phải ghi rõ các thông tin về các mục: Tên sản phẩm và nhãn hiệu, tên - địa nhà đóng gói hoặc sản xuất, cấp loại sản phẩm, trọng lượng tịnh, nước sản xuất, cảng đến, tên người mua hoặc ký hiệu, các ký hiệu khác theo thỏa thuận.
 - Dư lượng cụ thể cho phép được chấp thuận đối với hạt điều tại Mỹ được quy định như sau: phosphine - 0,1ppm, Flutriafol - 0.02 ppm, ngăn cấm hun trùng với Napthalene và methyl bromide.
 - Vận đơn phải liệt kê số thùng cartons, ký hiệu ghi trên thùng và nước xuất xứ.
 - Hàng phải được giám định trước khi bốc hàng, vận chuyển phải phù hợp với yêu cầu không có côn trùng, nấm mốc, mùi lạ, các chất lạ khác và không được có sự xuất hiện của các loài gặm nhấm.
 - Độ ẩm cho phép là từ 3-5% (theo phương pháp AOAC)
 - Tiêu chuẩn “chiên” quy định cụ thể trong phụ lục II.
 - Nhân điều không được có tóc, các vật lạ nhọn, cứng.

4.2.2. Chất lượng và phân loại

- Hạt điều nhân được xếp loại theo chất lượng bao gồm các loại:
 - + Chất lượng tốt loại 1 (First Quality Fancy) cụ thể là hạt điều nhân có thể có màu vàng nhạt, ngà nhạt hoặc trắng, màu sắc đồng nhất với nhau;
 - + Nhân sém chất lượng loại 2 (Second Quality Scorched) bao gồm các hạt điều nhân có thể màu nâu nhạt, ngà nhạt, ngà đậm, xám tro hoặc màu vàng;
 - + Nhân sém đặc biệt chất lượng loại 3 (Third Quality Special Scorched) bao gồm hạt điều có thể nhãn nhẹ, lốm đốm nâu nhạt, biến màu khác hoặc nám, có màu vàng đậm, hồ phách, xanh nhạt đến xanh đậm hoặc màu nâu.

+ Chất lượng loại 4 (Fourth Quality); Loại thứ phẩm (Dessert) bao gồm các loại hạt nhân như loại 1 hoặc 2, những lốm đốm cũng được chấp nhận.

+ Nhân nguyên nám nhẹ (Lightly Blemished Wholes – “LBW”) có thể có lốm đốm nâu nhạt hoặc nám với tỷ lệ không quá 40%, có màu ngà nhạt, xám tro nhạt, nâu nhạt hoặc ngà đậm.

+ Nhân nguyên nám (Blemished Whole – “BW”) và thứ phẩm (Dessert)

+ Lightly Blemished Pieces (LP) bao gồm mảnh vỡ của nhân, có thể có màu ngà nhạt, nâu nhạt, xám tro nhạt hoặc ngà đậm, có thể có nám nhạt và lốm đốm nâu nhạt nhưng không quá 20%;

4.2.3. Kích cỡ

- Tiêu chuẩn kích cỡ bắt buộc với chất lượng loại 1, các loại nhân nguyên khác có thể có hoặc không tùy yêu cầu. Hàng dưới cấp phải $\leq 10\%$, số mảnh vỡ $\leq 10\%$, vỡ ngang và dọc $\leq 10\%$. Số mảnh vỡ có trong loại vỡ ngang (Butts) và vỡ dọc (Splits) không được quá 10% trọng lượng. Số lượng loại dưới cấp kích cỡ liền kề trong loại mảnh vỡ (Pieces) không vượt quá 5% trọng lượng.

Chỉ định cỡ hạt	Đếm hạt	
	Pound	Kilo
180 (or SLW)	140-180	266-395
210 (or LW)	180-210	395-465
240	220-240	485-530
320	300-320	660-706
450	400-450	880-990

+ Nhân nguyên (W): Nhân điều được xếp loại nguyên nếu có hình dạng đặc trưng của điều nhân và không quá 1/8 nhân điều bị vỡ ra. Loại này được ký hiệu là (W). Số nhân bị vỡ quá 7/8 hoặc nhân vỡ dọc lấy ra từ mẫu của lô hàng có thể làm cơ sở cho khiếu nại.

+ Nhân vỡ góc (B): Nhân điều bị vỡ ngang, phần còn lại nhỏ hơn 7/8 của nhân nguyên và lớn hơn 3/8, hai lá mầm vẫn còn dính tự nhiên. Loại này được ký hiệu là B.

+ Nhân vỡ dọc (S): Một nửa của nhân nguyên bị tách dọc theo chiều dài, làm cho hai lá mầm tách rời nhau và mỗi lá mầm không bị vỡ quá 1/8. Loại này được ký hiệu là (S).

Mảnh vỡ (pieces): xem bảng bên dưới.

Một số bảng tiêu chuẩn dành cho nhân điều sồng

Giới hạn cho phép đối với các loại lỗi và hư hỏng của nhân điều sồng

Hư hỏng nghiêm trọng	Thứ phẩm	Loại 3	Loại 2	Loại 1
Hư hỏng do sâu mọt	1,00%	1,00%	1,00%	0,50%
Mốc, ôi dầu, ả mục, dính tạp chất	1,00%	1,00%	1,00%	0,50%
Tạp chất (1)	0,01%	0,01%	0,01%	0,01%
Hư hỏng nghiêm trọng tối đa	2,00%	2,00%	2,00%	1,00%
<i>Các loại lỗi</i>				
Nhân sém chất lượng loại 2	B	B	B	5,00%
Nhân sém đặc biệt chất lượng loại 3	B	B	5,00%	1,50%
Mảnh nhân nám nhẹ (LP)	(*20% lốm đốm nâu nhạt)		5,00%	1,50%
Nhân nguyên nám nhẹ (LBW)	(*40% lốm đốm nâu nhạt)		5,00%	1,50%
Nhân nguyên nám (BW)	(*60% lốm đốm nâu)		2,50%	0,50%
Thứ phẩm	B(2)	7,50%	2,50%	0,50%
Hư hỏng bề mặt (vết dao)	B	5,00%	2,00%	1,00%
Đính lựa/Hư hỏng nghiêm trọng do dính lựa (3)	3,0%/1,5%	3,0%/1,5%	3,0%/1,5%	3,0%/1,5%
Nhân lốm đốm đen	0,05%			
Tổng lỗi tối đa	*Tối đa lốm đốm cho LBW và BW	14,00%	11,00%	8,00%

Mô tả kích thước - Mảnh vỡ nhân điều

Loại	Tên	Dưới sàng số	Trên sàng số
LWP, SP, SPS, LP, DP, P1, P2, P3	Mảnh lớn	Sàng số 2,5 (USA 5/16) NMT 50%, đường kính = 8,0mm	Sàng số 0,25 (USA số 1/4), đường kính = 6,3mm

SWP, SSP, DSP, SP1, SP2, SP3	Mảnh nhỏ	Sàng số 0,25 (USA số 1/4), đường kính = 6,3mm	Sàng số 7 (USA số 7), đường kính = 2,8mm
CHIPS, SSP1, SSP2, SSP3	Mảnh vụn hoặc mảnh nhỏ đặc biệt	Sàng số 7 (USA số 7), đường kính = 2,8mm	Sàng số 8 (USA số 8), đường kính = 2,36mm
BB or G1, G2, G3	Mảnh vụn, đầu cuống	Sàng số 8 (USA số 8), đường kính = 2,36mm	Sàng số 10 (USA số 12), đường kính = 1,70mm.
X	(Hạt)	Sàng số 10 (USA số 12), đường kính = 1,70mm	Sàng số 14 (USA số 16), đường kính = 1,18mm
FE	(Hạt)	Sàng số 14 (USA số 16), đường kính = 1,18mm	N/A
P1M, P2M, P3M	Mảnh trộn	Dưới sàng 6,3mm	Trên sàng 4,75mm
<p>Giới hạn cấp loại cho mảnh vỡ: Cho phép 5% nhưng không quá 1% loại kích thước liền kề. Hơn nữa đối với các loại SWP, SP1/CHIPS, G1/BB và X cũng phải đồng nhất về hình dạng một cách hợp lý với tỷ lệ không quá 5% loại trên cấp kích thước. Ghi chú: Loại SSP theo Brazil được định nghĩa là mảnh vỡ nhỏ đặc biệt, khác với định nghĩa của An Độ SSP là mảnh vỡ nhỏ bị nắm.</p>			